

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: .../2022/HNGĐ - ST
Ngày 09-12-2022
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Hào;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số .../2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hà Khắc T, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp ĐT, xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp ĐT, xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn ông Hà Khắc T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Hà Khắc T và bà Đỗ Thị H chung sống với nhau từ năm 1989, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2004 tại UBND xã TT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Việc chung sống là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống thì hạnh phúc được 5 năm đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H thường xuyên ghen tuông vô cớ, không tôn trọng chồng. Hiện tại ông T và bà H đã ly thân được hơn 03 tháng. Nay, cảm thấy tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà Đỗ Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà H có 03 người con chung tên là Hà Thị T1, sinh năm 1990; Hà Thị T2, sinh năm 1991; Hà Thị TD, sinh năm 1995. Khi ly hôn các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị H và ông Hà Khắc T chung sống với nhau từ năm 1989, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2004 tại UBND xã TT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Việc chung sống là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, bà H luôn chăm lo, vun vén cho gia đình. Tuy nhiên, cách đây 03 năm thì ông T đã có quan hệ với người phụ nữ khác và có con riêng nên bà H ghen tuông, lúc nóng giận đã có những lời nói xúc phạm ông T. Nhưng bà H vẫn còn thương yêu ông T. Nay, ông T xin ly hôn thì bà H không đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà H có 03 người con chung tên là Hà Thị T1, sinh năm 1990; Hà Thị T2, sinh năm 1991; Hà Thị TD, sinh năm 1995; khi ly hôn các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ông Hà Khắc T và bà Đỗ Thị H chung sống từ năm 1989, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2004 tại UBND xã TT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Ông T và bà H đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bà H thường xuyên ghen tuông vô cớ, không tôn trọng chồng nên xin được ly hôn với bà H. Bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có phương pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bị đơn và nguyên đơn đều thừa nhận nguyên đơn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, hai vợ chồng đã ly thân nên có căn cứ khẳng định tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà H có 03 người con chung tên là Hà Thị T1, sinh năm 1990; Hà Thị T2, sinh năm 1991; Hà Thị TD, sinh năm 1995;

khi ly hôn các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Hà Khắc T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đỗ Thị H, bị đơn bà H hiện cư trú tại xã TL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Hà Khắc T và bà Đỗ Thị H chung sống từ năm 1989, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2004 tại UBND xã TT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Ông T và bà H đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bà H thường xuyên ghen tuông vô cớ, không tôn trọng chồng nên xin được ly hôn với bà H. Bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có phương pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bị đơn và nguyên đơn đều thừa nhận nguyên đơn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, hai vợ chồng đã ly thân nên có căn cứ khẳng định tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà H có 03 người con chung tên là Hà Thị T1, sinh năm 1990; Hà Thị T2, sinh năm 1991; Hà Thị TD, sinh năm 1995; khi ly hôn các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Khắc T đối với bị đơn bà Đỗ Thị H về việc “Ly hôn”.

2. Về hôn nhân: Ông Hà Khắc T được ly hôn với bà Đỗ Thị H.

3. Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà H có 03 người con chung tên là Hà Thị T1, sinh năm 1990; Hà Thị T2, sinh năm 1991; Hà Thị TD, sinh năm 1995; khi ly hôn các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Ông Hà Khắc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008484 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh